

Số: 327 /XN - DP

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 0286.20



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG
Địa chỉ : Số 16, Nguyễn Chí Thanh, Phường 6, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.
Địa điểm lấy mẫu : Xí nghiệp cấp nước TT. Long Phú, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng
Tên mẫu : NƯỚC NGẦM ĐẦU NGUỒN (NƯỚC SAU XỬ LÝ)
Lượng mẫu : 01 bình x 10L + 1,5L x 4 + 500mL
Ngày lấy mẫu : 07/05/2020
Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa 1,5L, cal nhựa 10L và chai thủy tinh 500mL, không bổ sung hoá chất cố định.

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
01	Acrylamide	HD.PP.111-1/TT.SK (Ref. Anal Bioanal Chem (2013) 405:4159-4166) (**)	Không phát hiện MLOD = 0,3 µg/L	< 0,5 µg/L	13/05/2020
02	1,2 - Diclorobenzen	EPA 5021A (**)	Không phát hiện MLOD = 10 µg/L	≤ 1000 µg/L	14/05/2020
03	1,4 - Diclorobenzen	EPA 5021A (**)	Không phát hiện MLOD = 10 µg/L	≤ 300 µg/L	14/05/2020
04	Ethyl benzen	EPA 5021A (**)	Không phát hiện MLOD = 5 µg/L	≤ 300 µg/L	14/05/2020
05	Styren	EPA 5021A (**)	Không phát hiện MLOD = 10 µg/L	≤ 20 µg/L	14/05/2020
06	Toluen	EPA 5021A (**)	Không phát hiện MLOD = 10 µg/L	≤ 700 µg/L	14/05/2020
07	Triclorobenzen	EPA 5021A (**)	Không phát hiện MLOD = 5 µg/L	≤ 20 µg/L	14/05/2020
08	Xylen	EPA 5021A (**)	Không phát hiện MLOD = 10 µg/L	≤ 500 µg/L	14/05/2020
09	Propanil	HD.PP.68/KXN.LH (**)	Không phát hiện MLOD = 15,00 µg/L	≤ 20 µg/L	14/05/2020
10	Trifuralin	EPA 525.2 (**)	Không phát hiện MLOD = 1,00 µg/L	≤ 20 µg/L	18/05/2020

11	Cadimi (Cd)	SMEWW 3125 B-2017 (a) (**)	< MLOQ = 0,001 mg/L	≤ 0,003 mg/L	12/05/2020
12	Crom tổng (Cr)	SMEWW 3120B-2017 (a) (**)	Không phát hiện MLOD = 0,010 mg/L	≤ 0,05 mg/L	13/05/2020
13	DDT (HCBVTV họ Clor hữu cơ)	SMEWW 6630 B-2017 (**)	Không phát hiện MLOD = 0,01 µg/L	≤ 2 µg/L	15/05/2020
14	Dieldrin (HCBVTV họ Clor hữu cơ)	SMEWW 6630 B-2017 (a) (**)	Không phát hiện MLOD = 0,01 µg/L	≤ 0,03 µg/L	15/05/2020
15	Heptachlor và Heptachlor Epoxide (HCBVTV họ Clor hữu cơ)	SMEWW 6630 B-2017 (**)	Không phát hiện MLOD = 0,01 µg/L	≤ 0,03 µg/L	15/05/2020
16	Lindane (HCBVTV họ Clor hữu cơ)	SMEWW 6630 B-2017 (a) (**)	Không phát hiện MLOD = 0,01 µg/L	≤ 2µg/L	15/05/2020
17	Methoxychlor (HCBVTV họ Clor hữu cơ)	SMEWW 6630 B-2017 (b) (**)	Không phát hiện MLOD = 0,01 µg/L	≤ 20 µg/L	15/05/2020
18	Cyanua (CN ⁻)	Journal of Chromatography A, 1155 (2007,31-39,USA) (**)	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/L	≤ 0,07 mg/L	13/05/2020
19	Kẽm (Zn)	SMEWW 3120 B - 2017 (a) (**)	Không phát hiện MLOD = 0,010 mg/L	≤ 3,00 mg/L	13/05/2020
20	Đồng (Cu)	SMEWW 3120 B- 2017 (a) (**)	Không phát hiện MLOD = 0,010 mg/L	≤ 1,00 mg/L	13/05/2020
21	2,4,6 Triclorophenol	HD.PP.46/KXN.LH (**)	Không phát hiện MLOD = 1,00 µg/L	≤ 200 µg/L	12/05/2020
22	Clorit	Ref. EPA 300.1 - 1999 (**)	Không phát hiện MLOD = 30,00 µg/L	≤ 200 µg/L	14/05/2020
23	Bromat	Ref. EPA 300.1 - 1999 (**)	Không phát hiện MLOD = 10,00 µg/L	≤ 25 µg/L	14/05/2020
24	2,4 - D	HD.PP.47/KXN.LH (**)	Không phát hiện MLOD = 1,50 µg/L	≤ 30 µg/L	13/05/2020
25	2,4 DB	HD.PP.47/KXN.LH (**)	Không phát hiện MLOD = 6,00 µg/L	≤ 90 µg/L	13/05/2020
26	2,4,5 - T	HD.PP.47/KXN.LH (**)	Không phát hiện MLOD = 0,50 µg/L	≤ 9 µg/L	13/05/2020
27	Bromodiclorometan	HD.PP.62/KXN.LH (**)	< MLOQ = 3,00 µg/L	≤ 60 µg/L	16/05/2020

28	Bromoform	HD.PP.62/KXN.LH (**)	< MLOQ = 3,00 µg/L	≤ 100 µg/L	16/05/2020
29	Cloroform	HD.PP.62/KXN.LH (**)	< MLOQ = 3,00 µg/L	≤ 200 µg/L	16/05/2020
30	Dibromoclorometan	HD.PP.62/KXN.LH (**)	< MLOQ = 3,00 µg/L	≤ 100 µg/L	16/05/2020
31	Cacbon tetraclorua (CCl ₄)	HD.PP.62/KXN.LH (**)	Không phát hiện MLOD = 0,40 µg/L	≤ 2 µg/L	16/05/2020
32	Diclorometan CH ₂ Cl ₂	HD.PP.62/KXN.LH (**)	Không phát hiện MLOD = 5,00 µg/L	≤ 20 µg/L	16/05/2020
33	Fenoprop	HD.PP.47/KXN.LH (**)	Không phát hiện MLOD = 1,00 µg/L	≤ 9 µg/L	13/05/2020
34	1,2-Dicloroetan	HD.PP.62/KXN.LH (**)	Không phát hiện MLOD = 10,00 µg/L	≤ 30 µg/L	16/05/2020
35	Mecoprop	HD.PP.67/KXN.LH (**)	Không phát hiện MLOD = 3,00 µg/L	≤ 10 µg/L	13/05/2020
36	1,1,1 - Tricloroetan	HD.PP.62/KXN.LH (**)	Không phát hiện MLOD = 20,00 µg/L	≤ 2000 µg/L	16/05/2020
37	MCPA	HD.PP.67/KXN.LH (**)	Không phát hiện MLOD = 2,00 µg/L	≤ 2 µg/L	13/05/2020
38	Vinyl clorua	HD.PP.62/KXN.LH (**)	Không phát hiện MLOD = 0,30 µg/L	≤ 5 µg/L	16/05/2020
39	1,2-Dicloroeten	HD.PP.62/KXN.LH (**)	Không phát hiện MLOD = 10,00 µg/L	≤ 50 µg/L	16/05/2020
40	Di (2 - etylhexyl) adipate	EPA 525.2 (**)	Không phát hiện MLOD = 2,00 µg/L	≤ 80 µg/L	14/05/2020
41	Di (2 - etylhexyl) phtalat	EPA 525.2 (**)	Không phát hiện MLOD = 2,00 µg/L	≤ 8 µg/L	14/05/2020
42	Epiclohydrin	HD.PP.62/KXN.LH (**)	Không phát hiện MLOD = 0,40 µg/L	≤ 0,4 µg/L	16/05/2020
43	Bentazon	HD.PP.67/KXN.LH (**)	Không phát hiện MLOD = 10,00 µg/L	≤ 30 µg/L	13/05/2020
44	1,2 - Dibromo - 3 Chloropropane	HD.PP.62/KXN.LH (**)	Không phát hiện MLOD = 0,40 µg/L	≤ 1 µg/L	16/05/2020
45	1,2 - Dichloropropane	HD.PP.62/KXN.LH (**)	Không phát hiện MLOD = 10,00 µg/L	≤ 20 µg/L	16/05/2020

46	1,3 - Dichloropropene	HD.PP.62/KXN.LH (**)	Không phát hiện MLOD = 10,00 µg/L	≤ 20 µg/L	16/05/2020
47	Hexaclorobenzen	HD.PP.62/KXN.LH (**)	Không phát hiện MLOD = 0,20 µg/L	≤ 1 µg/L	16/05/2020
48	Pentachlorophenol	HD.PP.46/KXN.LH (**)	Không phát hiện MLOD = 1,00 µg/L	≤ 9 µg/L	12/05/2020
49	Trichloroeten	HD.PP.62/KXN.LH (**)	Không phát hiện MLOD = 20,00 µg/L	≤ 70 µg/L	16/05/2020
50	Dichlorprop	HD.PP.47/KXN.LH (**)	Không phát hiện MLOD = 10,00 µg/L	≤ 100 µg/L	13/05/2020
51	Tetracloroeten	HD.PP.62/KXN.LH (**)	Không phát hiện MLOD = 20,00 µg/L	≤ 40 µg/L	16/05/2020
52	Hexaclaro butadien	HD.PP.62/KXN.LH (**)	Không phát hiện MLOD = 0,40 µg/L	≤ 0,6 µg/L	16/05/2020
53	Focmaldehyt	SMEWW 6252 B-2017 (**)	Không phát hiện MLOD = 500,00 µg/L	≤ 900 µg/L	14/05/2020
54	Axit dicloroaxetic	SMEWW 6251 B-2017 (**)	Không phát hiện MLOD = 20,00 µg/L	≤ 50 µg/L	13/05/2020
55	Alachlor	EPA 525.2 (**)	Không phát hiện MLOD = 1,00 µg/L	≤ 20 µg/L	18/05/2020
56	Axit trichloroaxetic	SMEWW 6251 B-2017 (**)	Không phát hiện MLOD = 20,00 µg/L	≤ 100 µg/L	13/05/2020
57	Atrazine	EPA 525.2 (**)	Không phát hiện MLOD = 0,20 µg/L	≤ 2 µg/L	18/05/2020
58	Xyano clorit (tính theo CN ⁻)	SWEWW 4500J - 2017 (**)	Không phát hiện MLOD = 20,00 µg/L	≤ 70 µg/L	13/05/2020
59	Clodan	EPA 525.2 (**)	Không phát hiện MLOD = 0,05 µg/L	≤ 0,2 µg/L	18/05/2020
60	Clorotoluron	HD.PP.68/KXN.LH (**)	Không phát hiện MLOD = 13,00 µg/L	≤ 30 µg/L	14/05/2020
61	Isoproturon	HD.PP.68/KXN.LH (**)	Không phát hiện MLOD = 7,00 µg/L	≤ 9 µg/L	14/05/2020
62	Methachlor	EPA 525.2 (**)	Không phát hiện MLOD = 1,00 µg/L	≤ 10 µg/L	18/05/2020

63	Molinate	EPA 525.2 (**)	Không phát hiện MLOD = 1,00 µg/L	≤ 6 µg/L	18/05/2020
64	Simazine	EPA 525.2 (**)	Không phát hiện MLOD = 0,50 µg/L	≤ 20 µg/L	18/05/2020
65	Pendimetalin	EPA 507 (**)	Không phát hiện MLOD = 1,00 µg/L	≤ 20 µg/L	18/05/2020
66	Cloral hydrat	EPA 551.1 (**)	Không phát hiện MLOD = 5,00 µg/L	≤ 10 µg/L	16/05/2020
67	Dicloroaxetonitril	EPA 551.1 (**)	Không phát hiện MLOD = 50,00 µg/L	≤ 90 µg/L	16/05/2020
68	Dibromoaxetonitril	EPA 551.1 (**)	Không phát hiện MLOD = 50,00 µg/L	≤ 100 µg/L	16/05/2020
69	Tricloroaxetonitril	EPA 551.1 (**)	Không phát hiện MLOD = 1,00 µg/L	≤ 1 µg/L	16/05/2020
70	Boron (bao gồm Borat và Axit boric)	HD.PP.21/TT.AAS-Ref. SMEWW 3125B-2017 (**) (ICP-MS)	Không phát hiện MLOD = 0,020 mg/L	≤ 0,3 mg/L	19/05/2020
71	Bari (Ba)	HD.PP.21/TT.AAS:2017 (**) (ICP-MS)	0,056 mg/L	≤ 0,7 mg/L	19/05/2020
72	Molybden (Mo)	HD.PP.21/TT.AAS-Ref. SMEWW 3125B-2017 (**) (ICP-MS)	Không phát hiện MLOD = 0,010 mg/L	≤ 0,07 mg/L	19/05/2020
73	Nickel (Ni)	HD.PP.21/TT.AAS :2017 (**) (ICP-MS)(a)	Không phát hiện MLOD = 0,004 mg/L	≤ 0,02 mg/L	19/05/2020
74	Antimon (Sb)	HD.PP.21/TT.AAS-Ref. SMEWW 3125B-2017 (**) (ICP-MS)	Không phát hiện MLOD = 0,0003 mg/L	≤ 0,005 mg/L	19/05/2020
75	Selen (Se)	HD.PP.21/TT.AAS-Ref. SMEWW 3125B-2017 (**) (ICP-MS)	Không phát hiện MLOD = 0,0003 mg/L	≤ 0,01 mg/L	19/05/2020
76	Permethrin (họ Cúc tổng hợp)	HP.PP.75/TT.SK (EPA 8081B) (**)	Không phát hiện MLOD = 5 µg/L	≤ 20 µg/L	13/05/2020
77	Aldicarb (HCBVTV nhóm carbamate)	HD.PP.32/TT.SK (**)	Không phát hiện MLOD = 1 µg/L	≤ 10 µg/L	13/05/2020
78	Carbofuran (HCBVTV nhóm carbamate)	HD.PP.32/TT.SK (**)	Không phát hiện MLOD = 1 µg/L	≤ 5 µg/L	13/05/2020

79	Benzen	EPA 5021A (**)	Không phát hiện MLOD = 1 µg/L	≤ 10 µg/L	14/05/2020
80	Benzo(a)pyren	EPA 525.2 (**)	Không phát hiện MLOD = 0,5 µg/L	≤ 0,7 µg/L	12/05/2020
81	Monoclorobenzen	EPA 5021A (**)	Không phát hiện MLOD = 10 µg/L	≤ 300 µg/L	14/05/2020
82	Phenol và dẫn xuất phenol	HD.PP.46/KXN.LH (**)	Không phát hiện MLOD = 1,00 µg/L	≤ 1 µg/L	12/05/2020
83	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B-2017 (a) (**)	< MLOQ = 0,001 mg/L	≤ 0,01 mg/L	12/05/2020
84	Hydro sulfur (H ₂ S)	Sulfide Test (**)	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/L	≤ 0,05mg/L	11/05/2020
85	Tổng chất rắn hoà tan (TDS)	SMEWW 2540 C -2017 (a) (**)	455,70 mg/L	≤ 1000 mg/L	13/05/2020
86	Florua (F ⁻)	HD.PP.83/KXN.LH :2019 (Ref. Method 300.1, EPA – 1999) (a) (**)	0,18 mg/L	≤ 1,5 mg/L	14/05/2020
87	Nhôm (Al)	SMEWW 3120B -2017 (a) (**)	Không phát hiện MLOD = 0,009 mg/L	≤ 0,2 mg/L	13/05/2020
88	Amoni (mg/L)	US - EPA - 350.2 - 1997	0,07	3	08/05/2020
89	Monocloramin	SMEWW 4500 - Cl F -2017 (**)	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/L	≤ 3 mg/L	13/05/2020
90	Asen tổng số (mg/L)	Phản ứng màu Mercury(II) bromide	0,00	0,01	08/05/2020
91	Thủy ngân (Hg)	HD.PP.21/TT.AAS - Ref.SMEWW 3125B -2017 (**)(ICP-MS)	Không phát hiện MLOD = 0,00008 mg/L	≤ 0,001 mg/L	19/05/2020
92	Natri (Na)	HD.PP.19/TT.AAS - Ref.SMEWW 3120B -2017 (**)	43,4 mg/L	≤ 200 mg/L	19/05/2020
93	Tổng hoạt độ α	TCVN 8879 :2011 (ISO 10704:2009) (a) (c) (**)	Không phát hiện MLOD = 1,026 pCi/L	≤ 3 pCi/L	12/05/2020
94	Tổng hoạt độ β	TCVN 8879 :2011 (ISO 10704:2009) (a) (c) (**)	5,765 pCi/L	≤ 30 pCi/L	12/05/2020
95	Coliforms tổng số (CFU/100mL)	ISO 9308 - 1:2014(E) (*)	0	0	08/05/2020
96	Escherichia coli (CFU/100mL)	ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)	0	0	08/05/2020
97	Sulphat (mg/L)	SMEWW 427 C - 2012	191,3	250	08/05/2020

98	Chỉ số pecmanganat (mg/L)	TCVN 6186- 1996 (*)	0,48	2	08/05/2020
99	Clo dư (mg/L)	SMEWW 4500 - Cl F-2012	0,3	0,3 - 0,5	08/05/2020
100	Clorua (mg/L)	SMEWW 4500 -Cl ⁻ B - 2012 (*)	24,00	250,00	08/05/2020
101	Độ cứng tổng cộng, tính theo CaCO ₃ (mg/L)	SMEWW 2340C - 2012 (*)	252,00	300,00	08/05/2020
102	Độ đục (NTU)	SMEWW 2130B - 2012	0,15	2	08/05/2020
103	Độ màu (màu sắc) (TCU)	SMEWW 2120C - 2012 (*)	2,51	15	08/05/2020
104	Mangan tổng số (mg/L)	SMEWW 3500 Mn - B - 2012 (*)	Không phát hiện	0,3	08/05/2020
105	Mùi vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	08/05/2020
106	Nitrate (mg/L)	TCVN 6180- 1996	0,72	50	08/05/2020
107	Nitrite (mg/L)	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ B - 2012 (*)	0,01	3	08/05/2020
108	pH	TCVN 6492:2011 (*)	7,05	6,5 - 8,5	08/05/2020
109	Sắt tổng cộng (mg/L)	SMEWW 3500 Fe - B - 2012	0,08	0,3	08/05/2020

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.
- (*), (a): Phép thử đã được công nhận phù hợp theo tiêu chuẩn ISO /IEC 17025:2017.
- (b): Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO /IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- (c): Phép thử đã được Bộ TN&MT chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The method limit of detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The method limit of quantification.
- (**) Phương pháp thử do Viện Y tế công cộng TP. Hồ Chí Minh thực hiện.

Nhận xét : Mẫu NƯỚC NGẦM ĐẦU NGUỒN (NƯỚC SAU XỬ LÝ) được kiểm nghiệm đạt theo tiêu chuẩn QCVN 01 :2009/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống (ngoại trừ chỉ tiêu Monocloramin theo QCVN 01- 1 :2018/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) do Bộ Y tế ban hành.

Sóc Trăng, ngày 27 tháng 5 năm 2020

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

Chuan

ThS. QUÁCH VĨNH THUẬN

KY. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



BS. CKII. Võ Quang Hà

Số: 322 /XN-DP

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 0287.20



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ : Số 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, Tp. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

Người lấy mẫu : YS. Luân

Địa điểm lấy mẫu : Anh Hiền, ấp 4, TT. Long Phú, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng

Ngày lấy mẫu : 7/5/2020

Tên mẫu : NƯỚC NGẦM CUỐI NGUỒN (TRÊN MẠNG LƯỚI CẤP NƯỚC)

Lượng mẫu : 1,5L + 500mL

Ngày nhận mẫu : 07/05/2020

Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa 1,5L và chai thủy tinh 500mL, không bổ sung hoá chất cố định.

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

S/t	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Coliforms tổng số (CFU/100mL)	ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)	0	0	08/05/2020
2	Escherichia coli (CFU/100mL)	ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)	0	0	08/05/2020
3	Amoni (mg/L)	US - EPA - 350.2 - 1997	0,09	3	08/05/2020
4	Chỉ số pecmanganat (mg/L)	TCVN 6186- 1996 (*)	0,32	2	08/05/2020
5	Clo dư (mg/L)	SMEWW 4500 - Cl F-2012	0,4	0,3 - 0,5	08/05/2020
6	Độ đục (NTU)	SMEWW 2130B - 2012	0,21	2	08/05/2020
7	Độ màu (màu sắc) (TCU)	SMEWW 2120C - 2012 (*)	2,76	15	08/05/2020
8	Mùi vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	08/05/2020
9	Sắt tổng cộng (mg/L)	SMEWW 3500 Fe - B - 2012	0,05	0,3	08/05/2020

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC NGẦM CUỐI NGUỒN (TRÊN MẠNG LƯỚI CẤP NƯỚC) được xét nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCVN 01:2009/BYT do Bộ Y Tế ban hành.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

ThS. QUÁCH VĨNH THUẬN

Sóc Trăng, ngày 27 tháng 5 năm 2020

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

BS. CKII. Võ Quang Hà